VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 35, No. 2 (2019) 26-38

VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/PaM

Original Article

Policy Implications on Socio Ecological and Economic Tranformation in Vietnam's Agriculture: Experiences from Legato Project

Dao Thanh Truong*, Nguyen Thi Quynh Anh

VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 06 May 2019
Revised 17 June 2019; Accepted 17 June 2019

Abstract: As one of the leading countries in rice export, Vietnam has always focused on investing and developing clean and green agriculture with the aim of sustainable development. In addition to traditional farming methods, farmers have gradually approached modern technologies and methods of large-scale goods production. The inter-regional nature between production and agriculture and interdisciplinary interactions between agriculture and services has become increasingly common in Vietnam's major rice production areas such as the Red River Delta and the Mekong Delta. This paper focuses on analyzing the socio-economic-ecological transformation in rice production of Vietnam, adopting the experience of ecological technology application under the framework of the LEGATO project - an interdisciplinary project participated by the Institute of Policy and Management for the period 2011-2016. The results of the project affirmed the importance of combining different research approaches in considering the socio-economic-ecological impacts in ecological technology development of agricultural production in Vietnam

Keywords: Social, ecological and economic transformation, policy, sustainable development, interdisciplinary approach, stakeholders.

* Corresponding author.
E-mail address: truongkhql@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4181

VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 35, No. 2 (2019) 26-38

VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/PaM

Hàm ý chính sách về chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội trong sản xuất nông nghiệp: kinh nghiệm từ triển khai dự án legato

Đào Thanh Trường*, Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 5 năm 2019
Chỉnh sửa ngày 17 tháng 6 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 6 năm 2019

Tóm tắt: Là một trong những quốc gia đứng đầu trong việc xuất khẩu gạo, Việt Nam luôn chú trọng việc đầu tư và phát triển nông nghiệp xanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh phương thức canh tác truyền thống, người nông dân đã tiếp cận dần với các công nghệ hiện đại và phương thức sản xuất hàng hóa với quy mô lớn. Tính liên vùng trong sản xuất và nông nghiệp và liên ngành giữa nông nghiệp và dịch vụ được khai thác ngày càng phổ biến tại các trung tâm sản xuất lúa gạo lớn của Việt Nam như Khu vực Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề chuyển đổi kinh tế - xã hội – sinh thái của Việt Nam trong sản xuất lúa nước từ kinh nghiệm áp dụng công nghệ sinh thái trong khuôn khổ dự án LEGATO – một dự án liên ngành do Viện Chính sách và Quản lý tham gia triển khai trong giai đoạn 2011-2016. Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp những tiếp cận nghiên cứu khác nhau trong việc xem xét những tác động kinh tế - xã hội - sinh thái trong phát triển công nghệ sinh thái trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam và những hàm ý chính sách cho quá trình phát triển nông nghiệp hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội, chính sách, phát triển bền vững, tiếp cận liên ngành, các bên liên quan.

Đặt vấn đề

Khái niệm "*Chuyển đổi kinh tế, xã hội và sinh thái*" được hình thành trong lòng cuộc đối thoại về những giá trị của quan điểm phát triển bền vững trước đây đặt ra. Trong đó khái niệm Chuyển đổi (Transformation) được đưa ra trong cuộc thảo luận về "Những chuyển đổi lớn" (Great Transformation)[1] do Polanyi[2] đưa ra năm 1995. Theo nghiên cứu của Phillip Degenhardt

[1] Có tác giả dịch là Cuộc Đại biến chuyển.

[2] Nhà văn và giáo sư gốc Hungary, đã sống ở Trung Âu và Anh trước khi di cư sang Mỹ trong Đệ Nhị Thế Chiến

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: truongkhql@gmail.com

https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4181

(2016), *Chuyển đổi kinh tế, xã hội và sinh thái* là một quan điểm đóng góp của Cánh tả cho cuộc thảo luận về học thuyết Degrowth (tạm dịch: Giảm phát triển) [1]. Trong đó, ngành năng lượng, ngành giao thông, nông nghiệp và kinh doanh nông nghiệp và các tổ hợp công nghiệp quân sự là những yếu tố tác động mạnh mẽ và tào ra những vấn đề chuyển đổi kinh tế - sinh thái
– xã hội của nhiều quốc gia hiện nay. Chuyển đổi kinh tế - sinh thái – xã hội liên quan đến việc đánh giá và tổ chức lại khung chính sách, các mô hình sản xuất và tiêu dùng mới hiện nay nhằm hạn chế các tác động âm tính của tăng trưởng và phát triển kinh tế đến sinh thái, xã hội, hướng đến một xã hội tương lai bền vững. Có thể thấy rằng, xu hướng định hình từ phát triển bền vững tới chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội đang xuất hiện ngày càng phổ biến ở các nước phát triển. Đây là sự định hình lại các hình thức liên kết giữa các yếu tố kinh tế - xã hội – sinh thái trong chiến lược phát triển, xem xét tác động của các hoạt động kinh tế với xã hội sinh thái hiện nay và giải pháp khắc phục, đảm bảo tính cân bằng, ổn định giữa các thành tố phát triển này. Từ phương diện chính sách, các tiêu chí kinh tế - sinh thái - xã hội cần được xem xét và áp dụng vào quy trình hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách.

Theo nghiên cứu của Joachim Spangenberg (2019), Việt Nam đang phải đối mặt với những biến chuyển có tương tác với nhau và hàm ý mà chúng mang lại, từ một múc thu nhập thấp đến trung bình và từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp hóa, từ phân bổ dân cư nông thôn sang đô thị hóa, từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, và từ trạng thái ổn định sang khí hậu thay đổi nhanh chóng (tần suất và cường độ bão tăng, mực nước biển dâng cao, mất đa dạng sinh học,
ô nhiễm môi trường), nổi cộm trên những vấn đề môi trường phức tạp hiện nay. Bối cảnh này đòi hỏi cần có sự nhìn nhận lại về các trọng tâm phát triển. Tại các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam trụ cột kinh tế vẫn là hướng mục tiêu được tập trung hơn các trụ cột khác. Chính vì vậy, từ phát triển bền vững dịch chuyển sang triết lý chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội là một yêu cầu khách quan và cần được áp dụng trong quá trình phát triển đất nước. Trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam, sự giao thoa giữa nông nghiệp truyền thống với nông nghiệp chuyên môn hóa; giữa nông nghiệp với các ngành khác đã tạo nên những chuyển đổi kinh tế
- sinh thái – xã hội mạnh mẽ trong những năm gần đây. Điều này đòi hỏi cần có những nghiên cứu liên ngành trong phát triển nông nghiệp theo triết lý chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội.

Dự án Kỹ thuật Thâm canh và Công nghệ Sinh thái – Công cụ đánh giá rủi ro và Cơ hội của hệ thống sản xuất lúa nước tưới[3] (sau đây gọi tắt là **LEGATO)** là một dự án dự trên tiếp cận liên bộ môn (inter-disciplinary approach), liên ngành (inter-sectorial approach) được Viện Chính sách và Quản lý triển khai trong thời gian từ 2011-2016.

Mục tiêu tổng quát của dự án là xây dựng những quy trình ứng dụng thực hiện "công nghệ sinh thái" –bao gồm thiết kế, điều tra, theo dõi và cấu trúc của các hệ sinh thái. Đồng thời, dự án còn thực hiện việc định lượng sự phụ thuộc của các chức năng của hệ sinh thái và các dịch vụ tạo ra trong hệ thống nông nghiệp trong ba khu vực ở Đông Nam Á: Malaysia (Đề án thủy lợi Muda), Việt Nam (tỉnh Tiền Giang ở ĐBSCL và thung lũng sông Hồng từ khu vực miền núi Tây Bắc đến đồng bằng) và Philippines (Trung Luzon từ Banaue đến Cabanatuan).

Cơ sở hoạt động của LEGATO là hướng dẫn phát triển chức năng sinh thái (ecosystem functions) và dịch vụ sinh thái (ecosystem services) phù hợp điều kiện văn hóa – xã hội và tự nhiên tại địa phương, nhằm giúp nông dân tại khu vực Nam và Đông Nam Á xây dựng hệ thống nông nghiệp bền vững, có khả năng thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu gây ra. LEGATO sẽ phân tích tiềm năng của "công nghệ sinh thái"[4] và thử nghiệm khả năng áp dụng và

[3] Land-use intensity and Ecological Engineering – Assessment Tools for risks and Opportunities in irrigated rice based production systems.

[4] Công nghệ sinh thái hướng đến tính bền vững trong phát triển nông nghiệp. Nền nông nghiệp sinh thái cung cấp cho con người một không gian sản xuất lành mạnh, sản phẩm nông nghiệp sạch và một môi trường tự nhiên ổn định. Áp

chuyển giao tại địa bàn nghiên cứu. Bước tiếp theo là hợp tác với cơ quan Nông nghiệp và Khuyến nông địa phương để chuyển giao cho người dân triển khai trên quy mô rộng hơn. Việc thực hiện có hiệu quả mô hình sản xuất lúa theo công nghệ sinh thái tạo được sự cân bằng sinh học trên đồng ruộng. Mô hình ứng dụng công nghệ sinh thái trong trồng lúa giúp bà con nông dân trồng lúa giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, bảo vệ sức khỏe và môi trường sống tốt hơn.

LEGATO là một dự án mà hiển thị các xu hướng hợp tác của các nhà khoa học giữa các quốc gia khác nhau trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, có 7 quốc gia và gần 100 nhà khoa học từ các lĩnh vực như xã hội học, sinh học, địa lý học, sinh thái học, kinh tế học, nhân học v.v. Để đánh giá tính khả thi của việc áp dụng công nghệ sinh thái, nhóm nghiên cứu không chỉ phân tích thực trạng sử dụng đất nông nghiệp và hệ sinh thái quanh đồng ruộng, mà còn phân tích các đặc trưng văn hóa của phương thức canh tác nông nghiệp, những tác động của chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đến canh tác nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu. Các nghiên cứu phân tích sự kết hợp giữa nông nghiệp – dịch vụ trong việc tạo ra các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch tâm linh gắn với các giá trị truyền thống của sản xuất nông nghiệp tại các địa bàn nghiên cứu, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

* ***Phạm vi:*** Tại Việt Nam, địa bàn nghiên cứu bao gồm: Trung Chải, Sapa (Lào Cai) và xã Tuấn Hưng và Cộng Hòa (Hải Dương). Kết quả khảo sát cho thấy, Tuấn Hưng và Cộng Hòa (Hải Dương) là hai địa bàn được chọn để áp dụng công nghệ sinh thái (mô hình ruộng lúa bờ hoa).

* *Phương pháp tiếp cận*

- Tiếp cận phân tích vai trò của các bên liên quan (stakeholders)

Để đảm bảo tính khách quan và sự tham gia của nhiều đối tượng trong hoạt động của dự án, các nhóm bên liên quan được xác định là đối tượng cung cấp các thông tin đầu vào trong các nghiên cứu ban đầu khảo sát thực trạng của các hoạt động kinh tế - xã hội – sinh thái liên quan đến dự án, vừa tham gia thực hiện và đánh giá các hoạt động này. Sự khác biệt trong quan điểm của các bên liên quan là gợi ý để các nhà nghiên cứu phát hiện các vấn đề nghiên cứu. Phân loại các bên liên quan căn cứ theo ảnh hưởng và lợi ích từ dự án với các hình thức: Tham dự, Thông tin, Hợp tác và Tư vấn.

Dự án đã triển khai các cuộc phỏng vấn tại tất cả các khu vực của dự án LEGATO, tức là ở ba tỉnh ở Philippines (Laguna, Nueva, Ecija và Ifugao), và tại bốn tỉnh ở Việt Nam (Tiền Giang, Hải Dương, Vĩnh Phúc và Lào Cai), và các bên liên quan tại Hà Nội và Manila (các bên liên quan cá nhân phỏng vấn). Từ năm 2011 đến 2016, đã có hơn 150 cuộc phỏng vấn cá nhân và hơn 20 cuộc phỏng vấn nhóm được thực hiện, với khoảng 400 người tham gia (với các bên liên quan như bảng dưới đây).

STT	Nhóm các bên liên quan
1	Người nông dân và gia đình của họ
2	Các đơn vị hành chính: cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông
3	Các đại lý chuỗi sản xuất gạo: trung gian và thương nhân (sấy khô, làm sạch và tiếp thị sản phẩm)
4	Quản trị cấp cao hơn: cán bộ nông nghiệp cấp tỉnh, quản lý nông nghiệp
5	Doanh nghiệp nhỏ địa phương (taxi, cho thuê xe, nhà hàng, khách sạn)
6	Các doanh nghiệp lớn hơn tại địa phương, các công ty con của các tổ chức hoặc doanh nghiệp quốc gia, Ban quản lý địa phương, du lịch
7	Chính quyền cấp tỉnh và quốc gia

dụng công nghệ sinh thái trong sản xuất nông nghiệp là biện pháp tiến bộ được rất nhiều các quốc gia áp dụng, với mong muốn điều chỉnh việc khai thác sử dụng đất trồng lúa, hạn chế các biện pháp khai thác làm suy thoái tài nguyên đất nói riêng và đảm bảo việc thực hiện được nguyên tắc của một nền nông nghiệp sinh thái. Bên cạnh đó, áp dụng công nghệ sinh thái cũng góp phần tăng cường chức năng của hệ sinh thái và sự phát triển của dịch vụ sinh thái.

Giai đoạn 1: Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trong giai đoạn đầu của dự án để xác định các địa điểm phù hợp nhất cho các khu vực dự án. Mục đích chính của tất cả các cuộc phỏng vấn ban đầu là hiểu rõ hơn vị trí của người được phỏng vấn và xác định mức độ quan tâm tương ứng của họ.

Giai đoạn 2: Các cuộc phỏng vấn tập trung vào các đặc điểm về kinh tế xã hội và văn hóa xã hội, tình hình sử dụng đất và bối cảnh, quan điểm cuộc sống của họ với sự phát triển của khu vực như được quan sát và mong đợi, các vấn đề văn hóa liên quan, các kỳ vọng về thay đổi phương thức canh tác và nâng cao thu nhập. Các cuộc phỏng vấn này được tổ chức riêng biệt theo giới tính (nhóm nam, nhóm nữ).

Giai đoạn 3: Phỏng vấn về đánh giá lộ trình áp dụng, kết quả và tác động của việc áp dụng CNST và kỳ vọng. Người tham gia phỏng vấn phải được đáp ứng hai điều kiện: những người được phỏng vấn được chọn phải đại diện cho khu vực và thủ tục phỏng vấn phải được chuẩn hóa.

- Tiếp cận chính sách

Để đánh giá khả năng và điều kiện áp dụng công nghệ sinh thái, nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top-down) và từ dưới lên (bottom-up) với các nhóm liên quan, đặc biệt là với nhóm thụ hưởng (người dân).

Tiếp cận từ trên xuống (Top-down) được xây dựng trên cơ sở một mạng lưới các đối tác là các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương tại địa bàn nghiên cứu của dự án là Sapa và Hải Dương (bao gồm Sở Văn hóa Thể thao Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm phát triển Văn hóa của địa phương v.v.). Tiếp cận từ dưới lên (Bottom-up): người dân được hỏi về hiệu quả của các chính sách phát triển trước khi áp dụng công nghệ sinh thái (nhóm dự kiến áp dụng và nhóm không áp dụng), quan điểm và đánh giá của họ về những chuyển đổi kinh tế - sinh thái - xã hội trong sản xuất nông nghiệp. Cách tiếp cận này giúp đối chiếu và tìm kiếm các vấn đề xung đột quan điểm và khoảng trống giữa nhận thức và hành động của người làm chính sách và đối tượng thụ hưởng.

* ***Phương pháp nghiên cứu:*** Nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tập trung, điều tra bảng hỏi, thực nghiệm mô hình công nghệ sinh thái.

Kết quả và thảo luận

2.1. Những vấn đề chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội trong hoạt động canh tác và sản xuất lúa của Sapa và Hải Dương

2.1.1. Sự thiếu hụt của nhân lực trong sản xuất nông nghiệp

Nguồn nhân lực trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam chiếm tỉ trọng cao trong tổng số lao động tại Việt Nam. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2018 Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong khu vực khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ước tính là 20,9 triệu người, chiếm 38,6% (giảm 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); khu vực Công nghiệp và xây dựng là 14,4 triệu người, chiếm 26,7% (tăng 1,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); khu vực Dịch vụ là 18,7 triệu người, chiếm 34,7% (tăng 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước) [3]. Do tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nguồn nhân lực tham gia sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm, lao động nông nghiệp bị thu hút bởi các ngành hoạt động sản xuất và dịch vụ. Theo kết quả nghiên cứu của dự án LEGATO, xu hướng này được thể hiện rõ tại hai địa bàn chính là Sapa và Hải Dương:

- Lao động nông nghiệp có xu hướng chuyển đổi sang làm ngành dịch vụ

Tại Sapa, Dự án LEGATO khảo sát đặc điểm phương thức canh tác trên ruộng bậc thang tại các địa điểm: Trung Chải, Tả Văn, v.v. và hoạt động liên quan khác như việc sử dụng và quản lý đất nông nghiệp, sự phát triển của du lịch sinh thái tại các địa bàn này. Tại Sapa, trên địa hình cao và dốc, lại chịu tác động mạnh mẽ của thời tiết khắc nghiệt, của biến đổi khí hậu, nông dân địa phương chỉ có thể canh tác 1 vụ lúa trong

năm từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm, kết hợp trồng thêm ngô, thảo quả và rau, chủ yếu vẫn sử dụng phương thức sản xuất theo kinh nghiệm truyền lại của ông cha và phụ thuộc chủ yếu vào các điều kiện tự nhiên. Người dân mở rộng diện tích ruộng bậc thang theo kinh nghiệm, gần các khu vực có nhiều nước và sử dụng các ông nứa, ống tre ghép thành các hệ thống dẫn nước thô sơ cho ruộng của họ.[4]

Nguồn: Hình ảnh của dự án LEGATO, năm 2011.

Bên cạnh những khó khăn về điều kiện khí hậu, nguồn nước, sự suy giảm của tài nguyên rừng cũng ảnh hưởng đến đời sống sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương. Trước kia, nông dân ở Sapa trồng giống lúa địa phương, hiện nay, người dân chủ yếu trồng lúa lai bên cạnh các giống lúa truyền thống như Sén Cù, Khẩu Nậm Sít, Bắc Thơm, Tàu Bay. Sản xuất Nông nghiệp, đặc biệt là việc canh tác lúa trên ruộng bậc thang tại Sapa chủ yếu phụ thuộc điều kiện tự nhiên, canh tác trên địa hình cao và phức tạp, hệ thống thủy lợi chưa phát triển, trong mùa khô, ruộng không đủ nước; nguồn nước chủ yếu sử dụng ở khu vực ruộng bậc thang là nước suối, nước ngầm, v.v. Tại Sapa tập quán du canh du cư vẫn tồn tại, nạn khai thác rừng trái phép, cháy rừng thúc đẩy quá trình thoái hóa đất. Chính vì vậy, lúa canh tác chủ yếu chỉ đủ cung cấp cho người dân địa phương, một số ít loại gạo đặc sản được cung cấp theo nhu cầu của các cơ sở dịch vụ du lịch tại thị trấn Sapa. Các dịch vụ về nông nghiệp chậm phát triển như: Cung ứng giống, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, công nghệ sơ chế bảo quản còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được với nhu cầu của phát triển sản xuất. Chính vì thế, năng suất lúa thấp, mất mùa không đáp ứng đủ nhu cầu lương thực của người dân địa phương.

Theo kết quả phỏng vấn nhóm nông dân là nữ, thời gian canh tác lúa giảm đi do người dân bán các sản phẩm thổ cẩm, trang sức bạc, v.v. cho các du khách đến du lịch. Nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình là từ hoạt động bán sản phẩm cho khách du lịch. 90% gia đình được phỏng vấn cho biết con cái họ đều tham gia bán sản phẩm du lịch (độ tuổi trung bình từ 6-12 tuổi). Trong khi nhóm nam (độ tuổi 30-45 tuổi) cho rằng họ tiếp tục sản xuất do canh tác và đất đai được truyền lại từ thế hệ trước và cũng để đảm bảo nguồn lương thực phục vụ cho hộ gia đình duy trì cuộc sống hàng ngày. Theo kết quả phỏng vấn sâu con cái của các hộ gia đình, 98% con cái của họ (độ tuổi từ 15 tuổi) đều mong muốn chọn lựa công việc khác. Công việc nông nghiệp được người dân mô tả là "vất vả, thu nhập thấp, không ổn định và không có tương lai".

Như vậy, xu hướng chuyển đổi lao động nông nghiệp (trồng lúa trên ruộng bậc thang) tại Sapa, Lào Cai chủ yếu tập trung vào quá trình

giảm tỷ lệ lao động tham gia sản xuất nông nghiệp sang ngành dịch vụ, du lịch. Xu hướng này tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây do tốc độ phát triển và chiến lược phát triển du lịch của địa phương. Mặc dù, sản xuất công nghiệp tại Lào Cai cũng phát huy hiệu quả những tiềm năng, lợi thế về khai thác chế biến khoáng sản, đầu tư phát triển thuỷ điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản. Nhiều dự án, nhà máy lớn chế biến sâu khoáng sản của địa phương: Apatit, sắt, đồng… đi vào hoạt động. Song chủ yếu là do lao động từ các tỉnh khác đến phục vụ quá trình khai thác và sản xuất công nghiệp.

Khi chuyển sang giai đoạn hai về phỏng vấn người dân về việc áp dụng công nghệ sinh thái (mô hình ruộng lúa bờ hoa) trong sản xuất lúa tại các hộ gia đình. Kết quả dự án cho thấy, 89% số lao động được hỏi cho rằng họ tin tưởng vào tác động của việc áp dụng công nghệ (do Nhà khoa học cung cấp). Tuy nhiên, người dân lo sợ không sử dụng các chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp có thể ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp (trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt) và mất thời gian. Vì vậy, việc áp dụng CNST cần phải có hỗ trợ giống, kinh phí và kỹ thuật, tính phương án đền bù nếu áp dụng mô hình không thành công. Số người dân được phỏng vấn còn lại cho rằng áp dụng công nghệ sinh thái là không khả thi và không hiệu quả, đặc biệt khi áp dụng với mô hình sản xuất trên ruộng bậc thang. Người dân không muốn áp dụng kể cả trong điều kiện có sự hỗ trợ. Tại địa bàn phỏng vấn, rất ít hộ nông dân chọn đáp án sản xuất nông nghiệp để phục vụ hoạt động dịch vụ du lịch như mô hình của Banaeu, Phillipines (trồng lúa trên ruộng bậc thang để tạo cảnh quan du lịch, thiết kế tour du lịch sinh thái với các đại lý du lịch). Khi được hỏi kỳ vọng về sản xuất kinh tế của gia đình, người dân cho rằng sẽ tiếp tục tham gia hoạt động bán hàng và các dịch vụ du lịch để có thu nhập, nếu gặp thiên tai và không sản xuất đủ lúa sẽ mua gạo tại các chợ gần thị trấn.

- Lao động nông nghiệp có xu hướng chuyển sang lĩnh vực công nghiệp

Tại Hải Dương[5], với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng có nhiều thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, Hải Dương đã và đang phát triển các khu vực chuyên canh sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn cung cấp số lượng sản phẩm nông nghiệp hàng hóa phục vụ các khu vực lân cận và xuất khẩu. Khác với Sapa, Hải Dương có nhiều điều kiện tốt để phát triển nông nghiệp, và trở thành một trong những tỉnh có sản lượng gạo cao tại Việt Nam. Tại Hải Dương, có 126,000 ha diện tích lúa trồng. Năng suất trung bình là khoảng 6 tấn /ha /vụ, diện tích trung bình khoảng 400-500m^2 người.

Tài nguyên đất của Hải Dương khá phong phú và đa dạng, bao gồm đất phù sa và feralit, trong đó đất phù sa chiếm 148.929 ha với 2 loại chính là: đất phù sa được bồi đắp hàng năm (Thanh Hà, Kinh Môn) và phù sa không được bồi đắp hằng năm (Nam Sách, Gia Lộc, Cẩm Giàng, v.v.) thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp. Tại Hải Dương, người dân sản xuất 2 vụ mỗi năm, Vụ Đông Xuân bắt đầu vào tháng Hai và kết thúc với việc thu hoạch tháng năm hoặc tháng 6, vụ Hè Thu kết thúc vào tháng 10. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm lúa gạo của Hải Dương bao gồm thị trường trong tỉnh và thị trường ngoài tỉnh (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh). Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Một số sản phẩm dễ trồng nhưng hiệu quả kinh tế không cao, chẳng hạn như ngô, đậu tương, trên bàn tay khác, người nông dân không sẵn sàng đầu tư vào trồng một số cây có giá trị mà yêu cầu chăm sóc khó khăn hơn trong một thời gian dài. Sản xuất nông nghiệp đem lại nguồn thu thấp do chi phí đầu tư cho các khâu sản xuất là khá cao, trong khi chuyển đổi nghề nghiệp sang làm việc tại các khu công nghiệp có

[5] Hải Dương là một tỉnh nằm ở đồng bằng sông Hồng, thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Việt Nam với diện tích 1656,0 km². Hải Dương được chia làm 2 vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng. Vùng đồi núi nằm ở phía bắc tỉnh, chiếm 11% diện tích tự nhiên phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm.

thu nhập cao, ổn định hơn. Bên cạnh đó, theo đánh giá của cán bộ quản lý nông nghiệp, diện tích canh tác lúa tăng giảm không ổn định do Hải Dương nằm trong xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất chuyên dụng và đất thổ cư. Đây là một tác nhân dẫn đến việc địa phương tăng cường ban hành các chính sách chuyển đổi cơ cấu kinh tế nói chung của địa phương, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phục vụ các dự án, các KCN.

Tính đến giai đoạn 2016-2017, Hải Dương có 10 KCN đã được thành lập, đang đi vào hoạt động và thực hiện xây dựng đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích theo quy hoạch chi tiết là 1.732 ha, trong đó có 07 KCN đã cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật trong các KCN; có 219 dự án đầu tư trong các KCN còn hiệu lực đến từ 29 quốc gia và vùng lãnh thổ; có trên 163 dự án đã triển khai và đang hoạt động sản xuất kinh doanh; tỷ lệ lấp đầy các KCN đạt 63,6%; thu hút gần 8 vạn lao động làm việc trong các KCN [5]. Cho đến nay, việc phát triển các KCN cũng diễn ra mạnh mẽ, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng mạnh (đặc biệt là các ngành sản xuất cao su, điện tử, sản phẩm quang học, sản xuất thiết bị điện, công nghệ chế biến khác…).

Kết quả phỏng vấn cho thấy, độ tuổi lao động trong sản xuất lúa trung bình là 40-45 tuổi và có xu hướng già hóa do lực lượng lao động trẻ tìm công việc tại các khu Công nghiệp. Mặc dù có điều kiện thuận lợi song các hộ nông dân đều cho rằng sản xuất nông nghiệp không mang lại điều kiện thu nhập cao kể cả khi các nông sản này được thu mua với quy mô lớn. Đặc điểm canh tác từ 2-3 vụ một năm chiếm một tỷ trọng lớn thời gian lao động trong năm trong khi thu nhập không cao, khiến lao động trẻ không còn mặn mà trong sản xuất nông nghiệp. Trong canh tác nông nghiệp xuất hiện phương thức thuê khoán các quy trình, sản xuất nông nghiệp trong hộ gia đình từ sản xuất phục vụ thu mua sang thuê sản xuất để phục vụ nhu cầu sử dụng của gia đình. Thậm chí, kinh phí thuê nhân công tham gia các hoạt động canh tác (gieo mạ, phun thuốc trừ sâu, gặt v.v.) tương đương với giá trị sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch, nhiều hộ gia đình vẫn chấp nhận do có thu nhập từ các hoạt động kinh tế khác. Khi được hỏi về việc áp dụng công nghệ sinh thái trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, 98% các hộ gia đình cho rằng đây là biện pháp có hiệu quả để giúp cải thiện năng lực cho người dân trong sản xuất lúa (do kết quả từ chuyển giao công nghệ). Khi hỏi về điều kiện triển khai, người dân chủ yếu quan tâm đến chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Trong năm 2015-2016, dự án đã triển khai hoạt động áp dụng công nghệ sinh thái tại một số địa bàn nghiên cứu, tuy nhiên kết quả cho thấy, người dân chỉ áp dụng được trong năm đầu tiên. Do chính sách dồn điền đổi thửa còn gặp nhiều bất cập, diện tích sản xuất lúa của các hộ gia đình vẫn chưa tập trung mà bị phân cắt tại nhiều khu vực, diện tích áp dụng CNST chỉ trong quy mô thực nghiệm tại 05 hộ gia đình tại Kim Thành, Hải Dương. Sau 1 năm triển khai, do ảnh hưởng của việc tăng cường phát triển hạ tầng cho nông thôn mới và tăng cường cơ sở hạ tầng và phát triển các khu công nghiệp, diện tích áp dụng giảm đi nhanh chóng. Nguyên nhân xác định chủ yếu do lực lượng lao động tại các hộ tìm được việc làm tại các KCN nên giảm quy mô canh tác. Trong khi tại Tiền Giang, địa phương áp dụng CNST theo mô hình ruộng lúa bờ hoa được người dân tiếp nhận và triển khai trên quy mô lớn.

Sản xuất nông nghiệp không chỉ đáp ứng nhu cầu an ninh lương thực của địa phương, mà còn tạo ra việc làm và thu nhập cho người dân ở các địa bàn khảo sát Sapa và Hải Dương. Trước các mục tiêu phát triển kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đang có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ. Nhân lực nông nghiệp không chỉ muốn chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp mà còn không quan tâm đến những tác động tiêu cực đến cảnh quan, môi trường sinh thái xung quanh hoạt động sản xuất nông nghiệp khi sử dụng các chất hóa học trong canh tác. Điều này đã và đang đặt ra những vấn đề kinh tế - xã hội và sinh thái quan trọng của địa phương: tình trạng thiếu hụt lao động, tình trạng ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, v.v. Áp dụng công nghệ sinh thái trong canh tác lúa không chỉ

nhằm thúc đẩy nông nghiệp bền vững, mà còn tạo ra các tác động thu hút nhân lực nông nghiệp quay trở lại làm việc và tăng thu nhập từ các sản phẩm nông sản sạch và chất lượng, đem lại giá trị kinh tế cao. Bên cạnh đó, gắn các giá trị của sản xuất nông nghiệp với các khu vực dịch vụ có thể tạo ra các sản phẩm du lịch dịch vụ mang bản sắc truyền thống, thu hút du khách nước ngoài đến Việt Nam.

2.1.2. Thay đổi cảnh quan sinh thái trong canh tác lúa nước tại Sapa và Hải Dương

* Sự suy giảm/mất đi các cảnh quan nông nghiệp do việc suy thoái tài nguyên đất và tình trạng ô nhiễm môi trường do việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp.

Phân hóa học được sử dụng rộng rãi trong quá trình sản xuất nông nghiệp ở Hải Dương và Sapa, nhằm gia tăng năng suất cây trồng. Trong các phân hóa học sử dụng nhiều nhất, có thể kể phân đạm, phân lân và phân kali. Bên cạnh việc sử dụng phân hóa học, nông dân tại 2 địa bàn nghiên cứu còn sử dụng các nông dược hiện đại đa số là chất hữu cơ tổng hợp như Thuốc trừ sâu (insectides) và Thuốc trừ cỏ (herbicides). Mặc dù, nông dân kết hợp phân chuồng với phân bón hóa học trong trồng lúa song hầu hết trong số họ nói rằng việc sử dụng hiệu quả phân bón hóa học mang lại hiệu quả một cách nhanh chóng hơn so với phân bón từ động vật.

Khi được phỏng vấn về cách thức sử dụng phân bón, thuốc diệt cỏ và một số loại thuốc trừ sâu, người nông dân chia sẻ:

- Về nguồn gốc: chủ yếu mua tại các cửa hàng bán gần nhà hoặc ra các trạm bảo vệ thực vật mua, thấy dùng loại thuốc nào hiệu quả sẽ dùng tiếp. Loại thuốc sử dụng do người bán hàng giới thiệu hoặc do những người khác dùng hiệu quả giới thiệu dùng để diệt sâu hại.

- Về mức độ sử dụng: khi thấy có sâu hại hoặc khi thấy sâu hại xuất hiện tại các ruộng cạnh bên.

- Thói quen sử dụng: Về cơ bản, kiến thức về sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón của người dân ở Sapa hạn chế hơn so với mặt bằng dân trí tại Hải Dương, do sự bất đồng về mặt ngôn ngữ. Song liều lượng cách thức sử dụng của người dân với cá loại thuốc bảo vệ thực vật còn chưa hợp lý, không được sử hướng dẫn cụ thể của cán bộ nông nghiệp. Nông dân cũng không biết nhiều về cách áp dụng thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ họ thường mua chúng một cách bừa bãi mà không có hướng dẫn trong các cửa hàng nhỏ xung quanh khu vực của họ. Đó không chỉ là vấn đề nghiêm trọng của việc trồng lúa ở vùng đất thấp, mà còn hiện tượng phổ biến trong lĩnh vực ruộng bậc thang ở miền núi.

- Tác động: Việc các vỏ thuốc bảo vệ thực vật vứt bừa bãi trên các khu vực quanh ruộng, đất ruộng bị thoái hóa, ô nhiễm chất đất… Sự phân hủy của túi Nilon chứa thuốc bảo vệ thực vật rất lâu, hóa chất có thể gây độc hại cho gia súc thậm chí con người.

Như vậy, tại Sapa và Hải Dương, kiểu canh tác dùng nhiều phân vô cơ, kết hợp với việc ngưng quay vòng của chất hữu cơ trong đất trồng, tạo nên nguy cơ về sự thoái hóa đất. Thành phần chất hữu cơ của đất bị giảm nhanh và khả năng giữ nước và thoát nước của đất bị thay đổi. Việc sử dụng bừa bãi, lạm dụng phân bón không chỉ làm mất ổn định hệ sinh thái nông nghiệp, dùng thuốc diệt cỏ sẽ làm thay đổi thảm thực vật của hệ sinh thái nông nghiệp, phun xịt thuốc trừ sâu có thể làm chết các sinh vật sống trong môi trường ruộng lúa. Nghiêm trọng hơn là sử dụng các chất hóa học gây ra những tác hại ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.

* Chất thải công nghiệp – hệ quả của quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Tại Hải Dương, cùng với quá trình công nghiệp hóa, các khu công nghiệp được xây dựng xung quanh các khu vực sản xuất nông nghiệp tại Hải Dương. Điều này dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí ở xung quanh các khu vực sản xuất nông nghiệp và khu dân cư. Chất thải từ các nhà máy, khu công nghiệp ngấm vào đất và làm ô nhiễm môi trường đất xung quanh khu vực sản xuất nông nghiệp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và sức khỏe của con người. Tại Hải Dương, nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tỉnh Hải Dương được xây dựng với

công suất là 64.000 tấn rác thô/ năm thành phẩm khoảng 12.390 tấn phân hữu cơ/năm. Các địa điểm tập kết rác gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước; các xe chở rác ngày đêm gây ô nhiễm tiếng ồn xung quanh các khu vực dân cư và khu vực trồng lúa.

Chất thải công nghiệp tập kết ngay cạnh khu vực ruộng lúa tại Hải Dương

Nguồn: Hình ảnh của dự án LEGATO, năm 2014-2015.

Tại Sapa, sự thay đổi cảnh quan chủ yếu do *tác động của quá trình đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch.* Kết quả phỏng vấn cho thấy, 98% người dân nhận thấy có sự thay đổi rõ ràng về cảnh quan xung quanh khu vực họ ở, trong đó xuất hiện các cảnh quan mới tập trung tại các khu vực dịch vụ, các khu vực khai thác khoáng sản, các khu vực dân cư do quá trình đô thị hóa. Với vị trí địa lý giáp khu vực biên giới, Sapa còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về an ninh biên giới, an ninh chính trị, an ninh xã hội và an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo. Hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép, tuyên truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người, vượt cấp, tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn, tệ nạn xã hội còn xảy ra. Công tác nắm tình hình và xử lý, giải quyết một số vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự tại cơ sở còn lúng túng. Ý thức chấp hành pháp luật trong một bộ phận nhân dân chưa cao. Điều này cũng gây những tác động gián tiếp đến quá trình ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.1.3. Nguy cơ khác

Tại Sapa

- Biến đổi khí hậu: Tại Sapa, biến đổi khí hậu dẫn đến điều kiện tự nhiên khá khắc nghiệt như sương giá, thiếu nước gây khô hạn…làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Những thay đổi khí hậu xuất hiện thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày tại Lào Cai: Ví dụ, băng xuất hiện ở Sa Pa, mưa lớn vào mùa đông. Vấn đề thiếu nước trong canh tác: Nước sử dụng chủ yếu ở vùng núi, từ mùa xuân. Nông dân chỉ trồng từ mùa mưa (từ tháng Tư đến tháng Chín), mùa khô (từ tháng Mười đến tháng Ba) không đủ nước cho sinh hoạt và nông nghiệp.

- Phương thức canh tác lạc hậu: Tại Sapa, tập quán du canh du cư, nạn khai thác rừng trái phép, cháy rừng thúc đẩy quá trình thoái hóa đất. Phương thức canh tác nông nghiệp hiện nay, người nông dân chủ yếu trồng theo các phương pháp trồng cũ, tự cung tự cấp là cần thiết và chỉ trồng đủ ăn. Mặt khác, nông dân nhận thức rõ ứng dụng của công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới nhưng họ cho rằng không có tiền để trả cho phí mua sắm trang thiết bị và hướng dẫn sử dụng công nghệ.

- Sự lỏng lẻo trong công tác quản lý và sử dụng đất trồng lúa: Những hạn chế trên tạo ra những rào cản cho quá trình quản lý và sử dụng đất trồng lúa ở Sapa, do diện tích trồng lúa trên ruộng bậc thang của từng hộ có thể bị thay đổi do các tác động của khí hậu khắc nghiệt, hoặc do người dân không canh tác trên khu vực ruộng của gia đình. Quy mô sản xuất nhỏ, cá thể, dàn trải, không tập trung. Địa hình đi lại khó khăn khiến cán bộ quản lý nông nghiệp không có nhiều điều kiện kiểm định được thực trạng sử dụng đất trồng lúa thường xuyên. Theo người dân, trung bình cán bộ nông nghiệp đến trao đổi các vấn đề sản xuất, canh tác nông nghiệp 1-2 lần/năm. Cán bộ nông nghiệp thường thông qua người chủ tịch xã hoặc trưởng thôn để tập hợp người dân đến nghe các thông tin sản xuất nông nghiệp, lịch mùa vụ. Theo phỏng vấn sâu các hộ gia đình, người dân phun thuốc khi thấy ruộng khác có sâu bệnh hoặc phát hiện trên ruộng có sâu bệnh, hoặc phun theo thói quen, kinh nghiệm (phun theo kinh nghiệm nhận biết thời điểm xuất hiện sâu bệnh). Điều này làm suy giảm chất lượng đất nông nghiệp và sự sự suy giảm các loại sinh vật có ích, gây ô nhiễm nguồn nước. Tình trạng ô nhiễm trong hoạt động công nghiệp, khai thác chế biến khoáng sản chưa được giải quyết triệt để. biến đổi khí hậu còn kém, hậu quả thiên tai nặng nề; việc ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học triển khai chưa đồng bộ.

Tại Hải Dương, xung đột môi trường phát sinh từ quá trình chuyển dịch mục đích sử dụng đất Nông nghiệp chưa được giải quyết triệt để, nông dân sinh sống tại khu vực xung quanh các khu công nghiệp và chịu ảnh hưởng từ chất thải công nghiệp đã nhiều lần khuyến nghị song tình trạng trên chưa thay đổi. Ô nhiễm nguồn nước và đất xung quanh khu vực sản xuất nông nghiệp từ việc phát triển làng nghề truyền thống: Thôn An Xá, xã Quốc Tuấn là làng nghề mây tre đan và làm hương. Nhờ vậy, bộ mặt của thôn được đổi thay từng ngày. Hiện 95% số đường làng đã bê-tông hóa, nhiều nhà cao tầng kiên cố mọc lên. Thôn hiện có 969 hộ, trong đó có hơn 330 hộ làm nghề, chiếm 41%. Tuy nhiên, An Xá cũng đứng trước nguy cơ ô nhiễm môi trường. Đến An Xá vào những ngày này, sẽ chứng kiến những dòng nước đen ngòm, ứ đọng, đặc quánh dưới rãnh tiêu nước hai bên đường và tại những ao nhỏ trong làng bốc lên mùi hôi thối.[6]

2.2. Hàm ý chính sách về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội trong phát triển nông nghiệp

Phát triển bền vững là mục tiêu chiến lược của ngành nông nghiệp – một ngành sử dụng đa dạng nguồn lực (tự nhiên, xã hội). Nông nghiệp Việt Nam là một thế mạnh của Việt Nam, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà đã hướng tới xuất khẩu các mặt hàng nông sản có chất lượng, trong đó có mặt hàng lúa gạo. Dự án LEGATO với cách tiếp cận liên ngành đã nhận diện những vấn đề chuyển đổi kinh tế sinh thái xã hội của Sapa và Hải Dương, hai địa bàn có hoạt động canh tác lúa nước với các xu hướng phát triển khác nhau. Tại Sapa, áp dụng công nghệ sinh thái giúp phát triển các sản phẩm nông nghiệp sạch, gắn văn hóa truyền thống về canh tác lúa với phát triển hoạt động du lịch sinh thái. Tại Hải Dương, áp dụng công nghệ sinh thái trong quản lý và sử dụng đất trồng lúa, không chỉ góp phần thực hiện chiến lược phát triển vùng sản xuất lúa tập trung với hiệu quả cao, mà còn góp phần duy trì cảnh quan sinh thái nông nghiệp, kết hợp với dịch vụ văn hóa tâm linh của người Việt, tạo nét riêng thu hút khách tham quan đến với Hải Dương.

Từ những kết quả nghiên cứu của dự án cũng chỉ ra rằng: hoạt động canh tác và sản xuất lúa gạo đang đối mặt với rất nhiều thách thức, không chỉ là các thách thức nội tại mà còn là những thách thức do tác động khách quan của tăng trưởng và phát triển kinh tế mang lại. Đồng thời quá trình phỏng vấn với các đối tượng làm chính sách và đối tượng thụ hưởng chính sách đã chỉ ra một thực tế rằng: sau một quá trình thực thi chính sách, chỉ khi tác động âm tính của chính sách phát triển kinh tế được bộc lộ một cách sâu sắc và gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng, thì quá trình khắc phục và điều chỉnh chính sách mới

[6] http://sct.haiduong.gov.vn/News/content/viewer.html?a=2771&z=160

diễn ra, thậm chí là rất chậm do thiếu nguồn lực. Chỉ khi mất cân bằng sinh thái, ô nhiễm môi trường, xung đột xã hội xảy ra, các nhà hoạch định, các nhà quản lý mới đưa ra các chính sách giải quyết hậu quả bằng một chính sách mới, song cũng không thể khẳng định đó là chính sách tối ưu.

Chính vì vậy, vai trò của hoạch định chính sách về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội có thể coi là một giải pháp phù hợp với bối cảnh phát triển nông nghiệp hiện nay của Việt Nam. Trong đó, cần có sự thống nhất về triết lý này trong hệ thống các văn bản liên quan đến vấn đề phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt ban hành xuyên suốt từ Trung ương bằng các nghị quyết của Đảng, đến các chiến lược, chương trình, dự án, các kế hoạch hành động của Chính phủ và của các địa phương. Trong định hướng phát triển chung đó, Chiến lược tăng trưởng xanh và thực hiện các báo cáo Đánh giá quốc gia đa chiều [6] có thể được coi là một nỗ lực gần đây nhất, kết hợp với nhiều nỗ lực và chiến lược hiện nay nhằm thúc đẩy hình thành định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, báo cáo của OECD sẽ phân chia thành 03 giai đoạn: Xác định các vấn đề ràng buộc trong phát triển, phân tích chuyên sâu về các vấn đề và khuyến nghị chính sách phát triển và cuối cùng là hỗ trợ chính phủ các nước biến các khuyến nghị chính sách thành chiến lược cụ thể. [7]. Báo cáo sẽ cung cấp những phân tích sâu sắc và đa chiều về các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội và sinh thái, góp phần cung cấp luận cứ cho hoạch định chính sách phát triển tại Việt Nam.

Chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội là một triết lý quan trọng cần được áp dụng trong quy trình chính sách. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu trong phát triển bền vững nông nghiệp trong thời gian tới, với một số hàm ý chính sách cụ thể như sau:

(1) Xem xét tác động của chính sách phát triển kinh tế với sản xuất nông nghiệp (đặc biệt nhận diện các tác động âm tính/tiêu cực và ngoại biên âm tính);

(2) Sử dụng các tiêu chí kinh tế - sinh thái – xã hội trong quy trình hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách phát triển nông nghiệp;

(3) Phát triển hệ thống dữ liệu về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội qua các năm, giai đoạn

(4) Áp dụng các công cụ đánh giá tác động đa chiều (kinh tế - sinh thái – xã hội) và top down (với các cơ quan ban hành thực thi và đánh giá chính sách) với bottom up (từ dưới lên qua các đánh giá của đối tượng thụ hưởng) với các dự án, chính sách phát triển tại các địa phương;

(5) Xây dựng các chỉ báo về chuyển đổi kinh tế - sinh thái – xã hội để xác định hướng ưu tiên trong chính sách đầu tư (của các cơ quan quản lý, của các địa phương).

(6) Áp dụng các chỉ báo về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội trong các chính sách phát triển vùng, liên vùng

3. Kết luận

Từ phát triển bền vững đến triết lý về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội là một trong những vấn đề chính sách quan trọng hiện nay không chỉ với Việt Nam mà với các quốc gia đang phát triển hiện nay. Mục tiêu phát triển kinh tế và các chính sách ưu tiên đầu tư, phát triển kinh tế không đi kèm với đánh giá các tương tác với sinh thái, xã hội đang là một khoảng trống trong nghiên cứu và ban hành chính sách. Dữ liệu về chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội sẽ là nền tảng để xem xét ưu tiên phát triển địa phương, phát triển vùng và các ngành. Trong đó, canh tác và sản xuất lúa trong nông nghiệp là một ví dụ điển hình về sự cần thiết áp dụng triết lý chuyển đổi kinh tế - sinh thái và xã hội tại Việt Nam hiện nay. Kết quả của dự án LEGATO đã giúp nhóm nghiên cứu xác định những hàm ý chính sách về áp dụng triết lý này trong phát triển canh tác lúa nói riêng và phát triển nông nghiệp Việt Nam nói chung. Những hàm ý chính sách này là những gợi suy để giúp các nhà hoạch định chính sách hoàn thiện hơn quy trình ban hành,

thực thi và đánh giá chính sách phát triển bền vững trong nông nghiệp hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Phillip Degenhardt, From Sustainable Development to Socio-Ecological Transformation, Tài liệu cung cấp bởi Quỹ Rosa Luxemburg, CHLB Đức, 2016.

[2] Joachim H. Spangenberg, Sustainable development and social, ecological, and economic transformation in Vietnam: Insights for policy, Kỷ yếu tọa đàm quốc tế: Chia sẻ kinh nghiệm giữa Việt Nam và CHLB Đức về nghiên cứu và hoạch định chính sách trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội", Phú Yên, Tháng 5/2019.

[3] Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình Lao động việc làm quý I năm 2018, 2018, https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18787 (Truy cập ngày 17 tháng 03 năm 2019).

[4] Viện Chính sách và Quản lý, Báo cáo nghiên cứu của dự án LEGATO, Hà Nội, 2011.

[5] Bích Hòa, Các KCN tỉnh Hải Dương hoạt động thành công trong năm 2016, 2017, http://khucongnghiep.com.vn/kinhnghiem/tabid/68/articleType/ArticleView/articleId/1870/Default.aspx (Truy cập ngày 20 tháng 04 năm 2019).

[6] Nhân dân điện tử, Khởi động xây dựng Báo cáo đánh giá quốc gia đa chiều của Việt Nam, Nhân dân điện tử, 2019. http://www.nhandan.com.vn/kinhte/item/39323302-khoi-dong-xay-dung-bao-cao-danh-gia-quoc-gia-da-chieu-cua-viet-nam.html (Truy cập ngày 05 tháng 06 năm 2019)

[7] OECD, OECD Development Pathways, Multi-dimensional Country Reviews, 2018 https://www.oecd.org/development/mdcr/ (Truy cập ngày 05 tháng 06 năm 2019).